

Bản án số: 52 /2021/ DS-ST

Ngày: 26-11-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/TLST- DS, ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

11. Nguyên đơn: Ngân hàng X.

Địa chỉ: Số 1, đường A, phường B, quận C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Kiện H; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M, Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 2, Đường D, ấp Đ, xã E, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

(theo văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27/12/2019).

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Văn H - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

(theo Giấy ủy quyền số 67/NHNoMT-UQ, ngày 26/11/2021).

2. Bị đơn:

1/ Ông Trần Văn U, sinh năm 1967 (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị Út K, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị NLQ1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

2/ Anh NLQ2, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Bà NLQ3, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Ông NLQ4, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp I, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

5/ Bà NLQ5, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 11 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Vào ngày 15 tháng 4 năm 2014 nguyên đơn Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng số 201402224, ngày 15/4/2014 với bị đơn ông Trần Văn U, có nội dung Ngân hàng cho ông U vay số tiền gốc 170.000.000đ, mục đích vay vốn để chăm sóc ruộng, vườn và chăn nuôi Heo, Bò, Vịt; thời hạn cho vay là 12 tháng, hạn trả nợ gốc cuối cùng là ngày 15/4/2015, lãi suất tại thời điểm ký kết hợp đồng thỏa thuận trong hạn là 8% năm, lãi quá hạn 12% năm và có điều chỉnh nếu Ngân hàng Nhà nước có thay đổi lãi.

Thực hiện hợp đồng ông U đã nhận đủ tiền gốc 170.000.000 đồng vào ngày 18/4/2014, ông U đã trả lãi 04 lần tính đến ngày 27/01/2015 là 10.766.666 đồng, đã trả gốc 06 lần với số tiền gốc là 106.143.000 đồng. Số tiền gốc chưa trả là 63.857.000 đồng, lãi chưa trả từ 28/01/2015 đến nay (ngày 26/11/2021) là 108.021.479 đồng (trong đó lãi trong hạn 77.599.491 đồng, lãi quá hạn là 30.421.988 đồng). Tổng cộng ông U nợ gốc, lãi là 171.878.479 đồng.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay vốn ông U có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7302 LCL201401485, ngày 15/4/2014 là quyền sử dụng đất của cụ Huỳnh Thị C (đã chết vào ngày 20/4/2016) đứng tên Giấy chứng nhận đất số A820085, gồm các thửa 273, diện tích 1.870 m², mục đích sử dụng: thổ cư; thửa 2116, diện tích 6.690 m², mục đích sử dụng: Ruộng và thửa 2117, diện tích 620 m², mục đích sử dụng: cây ăn quả, thuộc tờ bản đồ số 0003, do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Cửu Long cấp ngày 07/11/1991. Thửa 273 hiện tọa lạc tại ấp Q, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long và

các thửa 2116, 2117 hiện tọa lạc tại ấp ấp I, xã H, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Do ông U vi phạm nghĩa vụ không thực hiện đúng hợp đồng, nên Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu ông Trần Văn U và vợ là bà Nguyễn Thị Út K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long tiền gốc chưa trả là 63.857.000 đồng, lãi tính từ 28/01/2015 đến nay (ngày 26/11/2021) là 108.021.479 đồng (trong đó lãi trong hạn 77.599.491 đồng, lãi quá hạn là 30.421.988 đồng), tổng cộng gốc, lãi là 171.878.479 đồng.

2. Yêu cầu ông Trần Văn U và vợ là bà Nguyễn Thị Út K phải có trách nhiệm liên đới trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 201402224, ngày 15/4/2014, tính từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp ông U, bà K không trả được nợ vay, thì Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7302 LCL201401485, ngày 15/4/2014 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ4 trình bày: Phần đất ông U thế chấp vay vốn Ngân hàng là của mẹ là cụ Huỳnh Thị C (đã chết) cho ông U nhưng chưa làm thủ tục sang tên, không liên quan đến các anh, chị em. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông U trả nợ, nếu không trả thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì ông NLQ4 không có tranh chấp hay ý kiến khác và không có yêu cầu độc lập. Ông NLQ4 xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 01 năm 2021 thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ3 trình bày: Phần đất ông U thế chấp vay vốn Ngân hàng là của mẹ là cụ Huỳnh Thị C (đã chết) cho ông U nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ông U vay là để phục vụ đời sống cho vợ, chồng ông U nên không liên quan. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông U trả nợ, nếu không trả thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bà NLQ3 thống nhất. Bà NLQ3 không có tranh chấp hay ý kiến khác và không có yêu cầu độc lập. Bà NLQ3 xin vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử tại Tòa án.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 29 tháng 5 năm 2020 thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ5 trình bày: Bà NLQ5 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà NLQ5 có nhận giấy mời của Tòa án tham dự hòa giải và công khai chứng cứ vì bận việc gia đình nên không dự được, bà NLQ5 không có yêu cầu, đồng ý cho ông U toàn quyền quyết định. Bà NLQ5 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Nêu nội dung vụ án và nhận xét đánh giá chứng cứ và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

Về án phí: Căn cứ Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông U, bà K nộp án phí theo quy định.

Quá trình thụ giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn ông U, bà K, chị NLQ1, anh NLQ2 vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 01 tháng 4 năm 2019, ngày 19 tháng 8 năm 2019, ngày 01 tháng 9 năm 2020, ngày 29 tháng 01 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về tố tụng:

Tòa án đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông U, bà K, chị NLQ1, anh NLQ2 vắng mặt không có lý do. Ông NLQ4, bà NLQ3, bà NLQ5 có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét, nguyên đơn Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M yêu cầu:

1. Yêu cầu ông Trần Văn U và vợ là bà Nguyễn Thị Út K phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long tiền gốc chưa trả là 63.857.000 đồng, lãi tính từ 28/01/2015 đến nay (ngày 26/11/2021) là 108.021.479 đồng (trong đó lãi trong hạn 77.599.491 đồng, lãi quá hạn là 30.421.988 đồng), tổng cộng gốc, lãi là 171.878.479 đồng.

2. Yêu cầu ông Trần Văn U và vợ là bà Nguyễn Thị Út K phải có trách nhiệm liên đới trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 201402224, ngày 15/4/2014, tính từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp ông U, bà K không trả được nợ vay, thì Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M đề nghị Tòa án cho phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 7302 LCL201401485, ngày 15/4/2014 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa nguyên đơn Ngân hàng X – Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Ngân hàng) với bị đơn ông Trần Văn U có ký Hợp đồng tín dụng số 201402224, ngày 15/4/2014. Để đảm bảo cho hợp đồng vay vốn

ông U có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7302 LCL201401485, ngày 15/4/2014 là quyền sử dụng đất của cụ Huỳnh Thị C (đã chết vào ngày 20/4/2016) đứng tên Giấy chứng nhận đất số A820085 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Cửu Long cấp ngày 07/11/1991.

Thực hiện Hợp đồng ông U đã nhận đủ tiền gốc 170.000.000 đồng vào ngày 18/4/2014, ông U đã đóng lãi 04 lần tính đến ngày 27/01/2015 là 10.766.666 đồng, đã trả gốc 06 lần với số tiền gốc là 106.143.000 đồng. Số tiền gốc chưa trả là 63.857.000 đồng, lãi chưa trả từ 28/01/2015 đến nay (ngày 26/11/2021) là 108.021.479 đồng trong đó lãi trong hạn 77.599.491 đồng, lãi quá hạn là 30.421.988 đồng). Việc ký kết các hợp đồng, ông U, bà K trả gốc, lãi là có thật, được thể hiện qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông NLQ4, bà NLQ3, bà NLQ5 đều biết việc ông U vay tiền của Ngân hàng. Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi xét xử ông U, bà K không có ý kiến về yêu cầu của Ngân hàng, không tham gia hòa giải, xét xử nhằm gây khó khăn, kéo dài thời gian trả nợ, không có chứng cứ chứng minh, nên phải chịu hậu quả theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông NLQ4, bà NLQ3, bà NLQ5, chị NLQ1, anh NLQ2 không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập, nên miễn xét.

Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông U, bà K nộp giá ngạch đối với số tiền phải trả là 8.594.900 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 90, 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 và các Điều 91, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long;

1. Buộc bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Út K phải có trách nhiệm liên đới trả Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long số tiền gốc là 63.857.000 đồng, lãi tính từ 28/01/2015 đến nay (ngày 26/11/2021) là 108.021.479 đồng (trong đó lãi trong hạn 77.599.491 đồng, lãi quá hạn là 30.421.988 đồng). Tổng cộng gốc, lãi là 171.878.479 đồng (một trăm bảy mươi

một triệu, tám trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm bảy mươi chín đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 201402224, lập ngày 15/4/2014, tính từ ngày 27/11/2021 cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Út K không trả được nợ vay, thì Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản theo ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7302 LCL201401485, ngày 15/4/2014 để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Trần Văn U và bà Nguyễn Thị Út K liên đới nộp 8.593.900 đồng (tám triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn Ngân hàng X - Chi nhánh huyện M, tỉnh Vĩnh Long là 5.930.000 đồng (năm triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, theo biên lai số 0006798, ngày 25/12/2018.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các Đ/s;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc